

Thực trạng tác động của EVFTA đối với mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam

Trịnh Văn Thảo

Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương

Nông sản là một trong những ngành chịu nhiều tác động từ việc thực hiện các FTA thế hệ mới, những tác động đó tạo ra cơ hội và thách thức đối với mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam. Bài viết này sẽ phân tích một số những tác động của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) đối với mặt hàng nông sản xuất khẩu tại Việt Nam sau khi hiệp định được kí kết. Từ những phân tích đó bài viết sẽ đưa ra một số những giải pháp cơ bản để giúp nâng cao lợi thế cạnh tranh của mặt hàng nông sản khi tiến hành xuất khẩu sang thị trường EU.

1. Mở đầu

EVFTA là một FTA thế hệ mới giữa Việt Nam và 28 nước thành viên EU, có mức độ cam kết rất cao ở nhiều lĩnh vực, lần đầu tiên EU kết thúc đàm phán với một nước đang phát triển ở châu Á. Hiệp định cam kết mở cửa thị trường hàng hóa, quy tắc xuất xứ, hải quan và thuận lợi hóa thương mại, an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS), hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), cam kết mở cửa thị trường dịch vụ, đầu tư, phòng vệ thương mại, cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước, mua sắm chính phủ, sở hữu trí tuệ, phát triển bình vũng, hợp tác và xây dựng năng lực, các vấn đề pháp lý.

Đối với Việt Nam, hưởng lợi nhiều nhất từ EVFTA là những ngành xuất khẩu chủ lực mà hiện EU vẫn duy trì thuế quan cao như dệt may, giày dép và hàng nông sản. Tuy nhiên, tham gia Hiệp định cũng đặt ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp xuất khẩu, nhất là các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản tại Việt Nam. Do đó, bài viết nghiên cứu những tác động của EVFTA tạo ra những cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu nông sản của Việt Nam trong bối cảnh hiệp định này có hiệu lực nhằm đề xuất các giải pháp nhằm đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này sang thị trường EU trong thời gian sắp tới.

2. Thực trạng tác động của EVFTA đến hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam

2.1. Tác động điều chỉnh chính sách, pháp luật liên quan đến xuất khẩu nông sản

Nhờ EVFTA, doanh nghiệp xuất khẩu nông sản Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để tham gia vào môi trường kinh doanh ổn định, minh bạch. Để làm được điều đó, Việt Nam cần cải thiện trước hết là thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp theo các điều khoản của EVFTA. Bên cạnh đó, cập nhật các chính sách mới nhất của EU nhằm giúp các doanh

nh nghiệp Việt Nam thực hiện đúng, đủ, kịp thời tất cả quy định của EU trong các hoạt động về thương mại nông sản. Hiện tại, hoạt động nghiên cứu, dự báo thị trường, xúc tiến thương mại sang thị trường EU chưa mở rộng sang tất cả các nước thành viên và chưa đi sâu vào đối tượng thụ hưởng (Đỗ Thị Hòa Nhã, 2019). Doanh nghiệp cần phải hiểu rõ các quy định và thủ tục của thị trường EU. Nếu không tuân thủ theo các thủ tục có thể sẽ gây ra việc trì hoãn hoặc giảm đơn hàng, tăng chi phí và dẫn đến việc các cơ quan chức năng của EU áp dụng các hình thức kiểm soát. Ví dụ, các loại rau quả tươi khi xuất khẩu sang thị trường EU, phải tuân thủ theo các quy định pháp lý của EU về bảo vệ thực vật. Những vấn đề này cần được thể chế hoá để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu trong quá trình thực hiện xuất khẩu nông sản sang thị trường EU.

2.2. Tác động từ các cam kết cắt giảm thuế xuất nhập khẩu và trợ cấp

Đối với các sản phẩm rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU, doanh nghiệp Việt Nam hiện đang được hưởng mức thuế suất GSP. Là một hiệp định thương mại tự do thế hệ mới có mức độ cam kết cao và tầm ảnh hưởng rộng, EVFTA cam kết xóa bỏ thuế quan ngay khi EVFTA có hiệu lực đối với hàng hóa của Việt Nam thuộc 85,6% số dòng thuế trong biểu thuế, tương đương 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào EU. Lộ trình tiếp theo được cam kết xóa bỏ tới 99,2% số dòng thuế trong biểu thuế, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào EU sau 7 năm. Đây là mức cam kết cao nhất trong các hiệp định FTA mà Việt Nam từng đạt được với đối tác.

Trong bảng xếp hạng của EU về những đối tác thương mại nông sản, Việt Nam xếp thứ 12 với khả năng cung ứng 2,2% nhu cầu tiêu thụ nông sản của thị trường EU. Tuy nhiên, với 2,2% thị phần cho thấy giá trị và kim ngạch xuất khẩu hàng nông sản

của Việt Nam sang EU vẫn ở mức thấp so với tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam, cũng như nhu cầu nhập khẩu của EU. Đặc biệt, cơ cấu xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và EU là tính bổ sung rất lớn, ít mang tính cạnh tranh đối đầu trực tiếp. Do đó, tận dụng cam kết xóa bỏ thuế quan của hiệp định EVFTA, đẩy mạnh xuất khẩu sẽ mang lại cơ hội và thị trường rộng mở cho Việt Nam.

2.3. Tác động minh bạch hóa về xuất xứ và sở hữu trí tuệ đối với hàng nông sản

Các chính sách quản lý nông sản của EU nghiêm ngặt, đặc biệt các rào cản kỹ thuật của EU với nông sản thực phẩm có xu hướng ngày càng khắt khe hơn (Bộ Công Thương, 2020). Ngoài ra, EU cũng yêu cầu hàng nông sản nhập khẩu phải có nguồn gốc xuất xứ đầy đủ. Mặc dù EVFTA được thực thi với việc dỡ bỏ hầu hết các rào cản thuế quan và hạn ngạch, hàng nông sản của Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều rào cản kỹ thuật để thâm nhập mạnh hơn vào thị trường này.

Quy định về truy suất nguồn gốc xuất xứ sản phẩm của EU đòi hỏi các doanh nghiệp xuất khẩu tuân thủ các nghĩa vụ, trách nhiệm trong tất cả các khâu từ sản xuất tới phân phối. Tiêu chuẩn cao trong EVFTA nói riêng và ở thị trường EU nói chung buộc doanh nghiệp Việt Nam phải chủ động tìm hiểu, tuân thủ một cách bài bản. Điều này quan trọng hơn cả việc tính toán lợi thế cạnh tranh về giá khi EU cắt giảm thuế nhập khẩu.

2.4 Tác động tới các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản

Thứ nhất, cải thiện năng lực nghiên cứu và dự báo thị trường xuất khẩu: Nghiên cứu và dự báo thị trường vẫn luôn là một hoạt động không thể thực hiện trong xuất khẩu, đặc biệt là với thị trường mang tính đặc thù như EU với 27 quốc gia thành viên. Người tiêu dùng EU đòi hỏi cao về chất lượng, về an toàn vệ sinh thực phẩm, nguồn gốc xuất xứ, các tiêu chuẩn về môi trường, phát triển bền vững, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. EVFTA là hiệp định song phương, do đó những nội dung cụ thể trong hiệp định là căn cứ để doanh nghiệp tập trung nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo thị trường.

Thứ hai, Nâng cao năng lực tiếp thị, tìm kiếm khách hàng, đối tác tại EU: Hiệp định EVFTA tạo ra nhiều cơ hội và thị trường trong xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam. Các cơ quan quản lý nhà nước, các hiệp hội ngành hàng, các cơ quan thương vụ của Việt Nam tại nước ngoài đã có nhiều biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp đưa sản phẩm nông sản Việt Nam tiếp thị tìm kiếm khách hàng tại thị trường EU. Sự phát triển của công nghệ thông tin và quá trình chuyển đổi số cũng cho phép doanh nghiệp đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị tìm kiếm khách hàng thông qua website và các nền tảng mạng xã hội khác.

Nhìn chung, năng lực tiếp thị của doanh nghiệp được nâng lên và ngày càng nhiều khách hàng biết đến và tin dùng nông sản xuất khẩu từ Việt Nam.

Thứ ba, Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện hợp đồng xuất khẩu nông sản. Khi đã ký hợp đồng với đối tác thì việc tổ chức thực hiện hợp đồng xuất khẩu cần được đặt lên hàng đầu. Các khâu trong quy trình tổ chức thực hiện hợp đồng xuất khẩu nông sản bao gồm: chuẩn bị nguồn hàng, chế biến, đóng gói, bảo quản, tổ chức giao nhận vận tải đảm bảo giao hàng đúng hạn; lập bộ chứng từ, thanh toán; chăm sóc khách hàng sau bán hàng; duy trì mối quan hệ lâu dài với bên nhập khẩu. Tất cả các hoạt động này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ của các cá nhân, bộ phận theo một kế hoạch chi tiết, có sự kiểm tra kiểm soát chặt chẽ đảm bảo thực hiện đầy đủ và đúng quy định trong hợp đồng.

Thứ tư, Nâng cao năng lực phát triển nguồn hàng xuất khẩu. Với nhu cầu hiện có của EU, nguồn cung nông sản của Việt Nam cơ bản là chưa đáp ứng yêu cầu cả về quy mô và chất lượng. Do đó, quá trình thúc đẩy xuất khẩu từ những quy định từ EVFTA là cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam mở rộng quy mô, tăng cường sự liên kết theo vùng, thành lập những liên minh theo nhóm sản phẩm nông sản xuất khẩu. Có như vậy, doanh nghiệp xuất khẩu nông sản Việt Nam mới từng bước khẳng định vị trí trên thị trường EU; vươn lên trở thành một nhà cung cấp lớn trên thị trường nông sản EU về quy mô, chất lượng và phạm vi thương mại.

3. Một số giải pháp cơ bản

3.1. Đối với doanh nghiệp xuất khẩu nông sản

Nhìn chung, doanh nghiệp xuất khẩu nông sản cần thực hiện các biện pháp ổn định nguồn hàng, đầu tư sản xuất bài bản, quy mô lớn, áp dụng công nghệ, giảm chi phí vận chuyển, ứng dụng công nghệ trong bảo quản nông sản, thay đổi nhãn mác để hấp dẫn và phù hợp với thị hiếu của khách hàng hơn.

Doanh nghiệp chủ động tìm hiểu thông tin hữu ích về quy định áp dụng tại EU bao gồm: (i) Những quy định chung: Kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: EU đã thiết lập mức độ dư lượng tối đa (MRL) cho thuốc bảo vệ thực vật và các hóa chất khác đối với các sản phẩm thực phẩm; Kiểm soát chất gây ô nhiễm trong sản phẩm; Kiểm soát thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc phi động vật; Quy định về hạt nảy mầm; Quy định về kiểm dịch thực vật; Kiểm soát đối với thực phẩm biến đổi gen (GMO); Ghi nhãn thực phẩm và truy suất nguồn gốc, tuân thủ và trách nhiệm trong thực phẩm. (ii) Những quy định của EU về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bao gồm: Quy định EC số 178/2002, ngày 28/01/2002 Luật chung về an toàn thực phẩm đối với tất cả các giai đoạn sản xuất và phân phối; Quy định EC số

852/2004 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ngày 29/4/2004 về vệ sinh thực phẩm; Tuân thủ hệ thống quản lý an toàn thực phẩm như ISO 9001, ISO 22000 và các nguyên tắc phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP). HACCP thường là bước đầu tiên hướng tới các chương trình an toàn thực phẩm nghiêm ngặt hơn như FSSC22000 hoặc BRC. Các nhà nhập khẩu do đó bắt buộc phải xem xét kỹ lưỡng hơn về các nỗ lực bảo vệ môi trường và việc thực thi các trách nhiệm xã hội của tất cả các công ty trong chuỗi cung ứng.

Doanh nghiệp xuất khẩu đứng trên một khía cạnh nhất định là cầu nối giữa cầu nông sản của EU và cung nông sản của Việt Nam. Việc thúc đẩy năng lực của doanh nghiệp xuất khẩu nông sản là tiền đề cho sự phát triển của một nền nông nghiệp minh bạch, trách nhiệm, dùng chuyển đổi số để minh bạch quá trình sản xuất, chế biến nông sản của Việt Nam. Doanh nghiệp xuất khẩu là chủ thể quan trọng trong việc phát triển thị trường, đưa sản phẩm và hình ảnh nông sản Việt Nam sang thị trường EU.

3.2. Đối với cơ quan Nhà nước

Thứ nhất, Hoàn thiện thể chế, chính sách: Có thể thấy, cải cách của Việt Nam nhằm đáp ứng đòi hỏi của EVFTA sẽ ngày càng khó và chậm hơn, trong khi đó, lợi thế tương đối của Hiệp định này cho Việt Nam đối với các nước trong khu vực sẽ ngày càng giảm đi nhanh hơn. Để tận dụng cơ hội của hiệp định EVFTA để xuất khẩu nông sản của Việt Nam vào thị trường Châu Âu, Chính phủ Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật nhằm tạo môi trường pháp lý cho xuất khẩu nông sản sang thị trường EU. EVFTA như những gợi ý, chuẩn mực làm cơ sở để điều chỉnh luật pháp Việt Nam.

Thứ hai, Tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư sản xuất nông sản. Thời gian tới, các cấp, các ngành và địa phương cần tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chính sách của Trung ương và tỉnh trong hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu nông sản, nhất là sản xuất theo hướng nông sản an toàn, đáp ứng tiêu chí xuất khẩu vào thị trường khó tính như EU, Nhật Bản...; thực hiện tốt quy hoạch, đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp, chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đã được phê duyệt; đồng thời rà soát, điều chỉnh một số quy hoạch phù hợp với tái cơ cấu ngành Nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; xác định thứ tự ưu tiên thực hiện quy hoạch để khai thác tối đa tiềm năng lợi thế của vùng; chỉ đạo triển khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, ưu tiên vùng chuyên canh như lúa, cao su, sắn, gỗ rừng trồng, chăn nuôi tập trung...

Thứ ba, Có chính sách hỗ trợ sản xuất nông sản xuất khẩu đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng. Chính sách thương mại nông sản cần xây dựng theo hướng thúc đẩy tự do hoá thương mại nông sản phù hợp với

những cam kết khi gia nhập AEC, WTO... nhằm tận dụng những cơ hội và bảo hộ một cách hợp lý nông sản trong nước. Hoàn thiện Chính sách xuất khẩu nông sản theo hướng nâng cao vai trò của bộ máy QLNN, sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý có liên quan và chú trọng đào tạo, phát triển nhân lực Chính sách xuất khẩu nông sản. Vai trò của bộ máy thể hiện ở hai điểm: một là, với tính chất là chủ thể quản lý, bộ máy quản lý không thể thiếu, thông qua đó, Nhà nước mới thực hiện được vai trò của mình để hướng tới hiệu quả, ổn định và công bằng. Đồng thời, tăng cường sử dụng những chuyên gia giỏi thay vì phải thành lập các phòng ban chức năng khác làm cho bộ máy thêm chồng chéo và kém hiệu quả.

Thứ tư, Tăng cường các biện pháp quản lý liên quan đến sở hữu trí tuệ đối với nông sản xuất khẩu. Sự phát triển của thị trường nông sản Việt Nam trong giai đoạn vừa qua đã cho thấy vị trí, vai trò và tiềm năng rất lớn của các sản phẩm nông nghiệp với sự hỗ trợ của các thương hiệu cộng đồng trong việc đáp ứng các nhu cầu của người tiêu dùng trong nước cũng như hội nhập kinh tế quốc tế. Có thể thấy, đối với các sản phẩm đặc sản địa phương, ngoài những lợi thế về chất lượng, yếu tố sản xuất, tiêu dùng mang tính văn hóa, truyền thống... thì hướng phát triển gắn với thương hiệu cộng đồng là một hướng đi phù hợp, trở thành công cụ hiệu quả trong phát triển bền vững sản xuất và thị trường, đưa nông sản Việt Nam tiến xa hơn ra thế giới. Tuy vậy, trước bối cảnh sự phát triển các thương hiệu cộng đồng còn gặp nhiều khó khăn, cần những giải pháp để thúc đẩy hoạt động xây dựng và quản lý trong thời gian tới./.

Tài liệu tham khảo

Hoàng Thị Vân Anh (2017), Nghiên cứu đề xuất giải pháp thúc đẩy xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường Liên minh châu Âu trong điều kiện thực hiện Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA), đề tài KHCN cấp Bộ.

Bộ Công Thương (2020), Xuất nhập khẩu của Việt Nam trong bối cảnh tự do hoá và bảo hộ thương mại.

Hoa Hữu Cường (2016), Nâng cao khả năng xuất khẩu hàng hóa chủ lực của Việt Nam vào thị trường EU trong giai đoạn 2011-2020, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

Nguyễn Văn Lịch và Nguyễn Trọng Nhân (2020), Tác động của EVFTA đối với xuất khẩu nông sản của Việt Nam.

Đỗ Thị Hoà Nhã, Nguyễn Thị Oanh, Ngô Hoài Thu (2019), Phân tích tình hình xuất khẩu các nhóm hàng hoá của Việt Nam sang thị trường EU, Tạp chí Khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên.